

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Kế hoạch số 1469/KH-UBND ngày 17/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum (gọi tắt Kế hoạch số 1469/KH-UBND);

Căn cứ Kế hoạch số 83/KH-SGDĐT ngày 14/7/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum về việc triển khai thực hiện Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện “Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) và Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Tổ chức triển khai trong toàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, phù hợp với tình hình địa phương nhằm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch số 1469/KH-UBND ngày 17/5/2022, Kế hoạch số 83/KH-SGDĐT ngày 14/7/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum.

2. Yêu cầu:

- Xác định đầy đủ, cụ thể nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu của các Kế hoạch số 1469/KH-UBND ngày 17/5/2022 và Kế hoạch số 83/KH-SGDĐT ngày 14/7/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum để tập trung nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của ngành Giáo dục và Đào tạo, công tác quản lý, dạy học của các cơ sở giáo dục.

- Các nội dung, nhiệm vụ Chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo phải được thực hiện nghiêm túc, chất lượng; gắn với trách nhiệm quản lý nhà nước; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Phát huy hiệu quả các giải pháp công nghệ để thúc đẩy đổi mới hiệu quả công tác quản lý giáo dục, tăng cường các hoạt động dạy và học ứng dụng các giải pháp công nghệ một cách hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; tăng cơ hội tiếp cận các nguồn học liệu hiện đại, đáp

ứng tính tự chủ, chủ động của người học thông qua việc triển khai nền tảng số, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu đến năm 2025

2.1. Cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ tăng cường ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số:

- 100 % cơ sở giáo dục có đường truyền internet đảm bảo có thể truy cập và tổ chức dạy học và tổ chức hội nghị, hội thảo trực tuyến.

- 100% nhà giáo và tối thiểu 50% học sinh có đủ điều kiện (*về phương tiện, đường truyền, phần mềm*) để tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến, tham gia cuộc họp, các buổi hội thảo chuyên đề bằng hình thức trực tuyến.

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông đảm bảo có đủ điều kiện về cơ sở vật chất để dạy học môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

2.2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà trường, mỗi phòng GD&ĐT, mỗi nhà giáo, mỗi người học:

a) Về môi trường giáo dục trực tuyến:

- Triển khai thực hiện đồng bộ một nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, ít nhất có trên 50% người học sử dụng.

- Xây dựng, hoàn thiện kho học liệu trực tuyến ngành Giáo dục đáp ứng về yêu cầu tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Xây dựng bộ từ điển điện tử đa ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số (Ba Na, Gia Rai, Xơ Đăng, Giê-Triêng), góp phần phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập tiếng dân tộc thiểu số của giáo viên và học sinh trong trường học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

b) Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến:

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia các khóa tập huấn về nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ tăng cường ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số.

- Tỷ trọng nội dung Chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt tối thiểu trung bình 5% ở cấp tiểu học và 10% ở cấp trung học cơ sở.

2.3. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục

a) Về quản trị nhà trường:

100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

- 100% người học, nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc (mã số định danh theo Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Khuyến khích các đơn vị trường học sử dụng các dịch vụ thanh toán bằng phương thức không dùng tiền mặt.

b) Về quản lý giáo dục:

Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành Giáo dục được thiết lập và vận hành có hiệu quả, trong đó:

- Cơ sở dữ liệu toàn Ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Các cơ quan quản lý giáo dục từ Phòng GD&ĐT và đơn vị trường học được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (*không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật*).

c) Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (*hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán*).

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 25%.

- Tỷ lệ người học, cha mẹ học sinh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình tối thiểu đạt 80%.

- Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình tối thiểu đạt 80%.

3. Mục tiêu đến năm 2030

- Hoàn thiện đồng bộ trên một nền tảng dạy và học trực tuyến của ngành Giáo dục tích hợp kho học liệu số các cấp học hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến.

- Triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông mức độ cơ bản đạt tỷ lệ 100% đối với giáo dục tiểu học; mức độ nâng cao đạt tỷ lệ ít nhất là 50% đối với giáo dục trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên.

- Triển khai đầy đủ, có hiệu quả các mô hình ứng dụng CNTT trong các trường Mầm non theo các yêu cầu, kế hoạch của Sở GD&ĐT.

- 100% giáo viên dạy các môn học về Tin học, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Công nghệ, Kỹ thuật và Nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số.

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục của huyện được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn Ngành.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử:

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong GDĐT đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng CNTT, tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục, địa phương có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực Chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

c) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM) cho các cấp học, phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong GDĐT

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong GDĐT; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho nhà trường, người học và đội ngũ giáo viên, đặc biệt là các trường ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; có chính sách trang bị, hỗ trợ máy tính cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

b) Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/Thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành.

3. Phát triển hệ sinh thái Chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Đổi mới mô hình dạy - học

Triển khai thí điểm các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (*lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ*

lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

b) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Phát triển các kho học liệu số các cấp học, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành Giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng, thiết bị dạy học số và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Triển khai hệ thống thiện thư viện số dùng chung cho các cơ sở giáo dục phổ thông; công thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục.

- Phát huy vai trò của các trang web của các cơ sở giáo dục trong việc xây dựng kho tài nguyên dạy học nội bộ; tăng cường khai thác các ứng dụng của Office 365, Google Drive phục vụ công tác quản lý và dạy học.

c) Triển khai các nền tảng số

- Triển khai chữ ký số SmartCA trong toàn ngành GDĐT.

- Triển khai phần mềm tạo bài giảng E-Learning cho giáo viên của các trường phổ thông các cơ sở giáo dục.

- Triển khai phần mềm học tập trực tuyến ngành GDĐT.

- Triển khai phần mềm quản lý ngân hàng đề thi; phần mềm quản lý thư viện; phần mềm đánh giá chất lượng giáo dục.

- Triển khai hệ thống điểm danh thông minh cho các cơ sở giáo dục.

- Triển khai phần mềm trung tâm điều hành giáo dục.

- Triển khai phần mềm điện điện tử đa ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Ba Na, Gia Rai, Xơ Đăng, Giẻ-Triêng).

4. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý GDĐT và cơ sở dữ liệu ngành GDĐT

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Triển khai công dịch vụ công trực tuyến (*tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử*) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (*như trợ lý ảo, trả lời tự động*); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành Giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý GDĐT

Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành Giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT đến Bộ GDĐT; kết nối dữ liệu giữa ngành Giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

c) Triển khai các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành Giáo dục.

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành Giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

d) Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành Giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành Giáo dục.

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Huy động các nguồn lực xã hội, các doanh nghiệp, các tổ chức đóng chân trên địa bàn huyện tham gia, đóng góp, hỗ trợ đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng CNTT trong ngành GDĐT.

6. Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn nhằm thúc đẩy Chuyển đổi số trong ngành GDĐT

a) Ban hành các văn bản quy định về Chuyển đổi số trong các hoạt động dạy - học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành Giáo dục; quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học.

b) Rà soát và ban hành các quy định về kỹ thuật dữ liệu, hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục, cơ quan trong ngành giáo dục và ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia; hướng dẫn kết nối kỹ thuật triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục; ban

hành các tiêu chí kỹ thuật của các nền tảng số dùng trong ngành giáo dục; ban hành các tiêu chí đánh giá chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục.

c) Tham mưu Hội đồng nhân dân huyện ban hành các chính sách đặc thù thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình GDĐT mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn nhân lực của các tổ chức, cá nhân, chính sách hỗ trợ máy tính cho học sinh; chính sách Internet giáo dục.

d) Thường xuyên tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong GDĐT; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số Chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước bố trí cho Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện Kế hoạch, có trách nhiệm phối hợp cùng với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã triển khai Kế hoạch có hiệu quả.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học; cử cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng thực hiện công tác Chuyển đổi số do Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT tổ chức.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện biết, chỉ đạo.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu UBND huyện xem xét, quyết định bố trí nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo tiến độ và khả năng cân đối nguồn thu ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

3. Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch & Truyền thông

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và người dân về các nội dung của Kế hoạch.

4. Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và UBND các xã

Có trách nhiệm phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo triển khai Kế hoạch có hiệu quả.

Căn cứ nội dung Kế hoạch và chức năng, nhiệm vụ, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện đạt hiệu quả. Định kỳ hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Giáo dục và Đào tạo) trước ngày 20/11 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo huyện giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- UBND các xã;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT-VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Quang